

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông Nhơn Khánh - Nhơn Hòa (đoạn từ ĐT.636 kết nối với ngã ba Nguyễn Trung Trực - Trần Khánh Dư)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 356/STNMT-CCBVMT ngày 17/02/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông Nhơn Khánh - Nhơn Hòa (đoạn từ ĐT.636 kết nối với ngã ba Nguyễn Trung Trực - Trần Khánh Dư);

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông Nhơn Khánh - Nhơn Hòa (đoạn từ ĐT.636 kết nối với ngã ba Nguyễn Trung Trực - Trần Khánh Dư) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 538/UBND ngày 24/4/2023 của UBND thị xã An Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 553/TTr-STNMT ngày 18/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông Nhơn Khánh - Nhơn Hòa (đoạn từ ĐT.636 kết nối với ngã ba Nguyễn Trung Trực - Trần Khánh Dư) (sau đây gọi là Dự án) của UBND thị xã An Nhơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện xã Nhơn Khánh và phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND xã Nhơn Khánh;
- UBND phường Nhơn Hòa;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
NÂNG CẤP, MỞ RỘNG TUYẾN GIAO THÔNG
NHƠN KHÁNH - NHƠN HOÀ (ĐOẠN TỪ ĐT.636 KẾT NỐI
VỚI NGÃ BA NGUYỄN TRUNG TRỰC – TRẦN KHÁNH DƯ)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến giao thông Nhơn Khánh - Nhơn Hòa (đoạn từ ĐT.636 kết nối với ngã ba Nguyễn Trung Trực - Trần Khánh Dư).
- Địa điểm thực hiện: thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án: UBND thị xã An Nhơn.
- Địa chỉ liên hệ: 78 Lê Hồng Phong, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Đầu tư xây dựng tuyến đường theo Tiêu chuẩn đường phố khu vực theo QCVN 07-4:2016/BXD và TCXDVN 104-2007, đường cấp II. Tổng chiều dài tuyến đường là 1.429,99 m; điểm đầu giáp với điểm cuối công trình đường trục thôn An Hòa (cách đường ĐT.636 khoảng 1,0 km về phía Nam) thuộc xã Nhơn Khánh; điểm cuối giáp cầu Bàu Góc, thuộc phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn.

- Xây dựng 01 cầu, kết cấu bê tông cốt thép (BTCT).

- Thoát nước:

+ Công tròn, công hộp nhỏ: Thiết kế mới 10 vị trí. Kết cấu BTCT.

+ Rãnh dọc: thiết kế đoạn qua khu dân cư 2 bên tuyến (có chiều dài khoảng 85 m mỗi tuyến), bề rộng 0,4 m. Kết cấu BTCT.

- Các hạng mục khác: Xây dựng công trình phòng hộ, an toàn giao thông và hệ thống điện chiếu sáng.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của dự án

- Phần đường: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường với tổng chiều dài là 1.429,99 m, bề rộng nền đường là 9,5 m.

- Phần cầu: Xây dựng 01 công trình cầu (03 nhịp x 18m).

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án: Hệ thống thoát nước ngang, hệ thống thoát nước dọc, hệ thống chiếu sáng.

1.3.3. Các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ thi công của dự án: lán trại thi công với diện tích khoảng 240 m², trạm trộn bê tông xi măng công suất

30 m³/h, bãi tập kết máy móc thiết bị có diện tích khoảng 325 m² và bãi thải với diện tích khoảng 7.000 m².

1.4. Yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án chiếm dụng vĩnh viễn 20.850 m² đất lúa.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Quá trình thi công xây dựng: phát sinh nước thải, nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn, đất, chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn, bụi và khí thải từ các thiết bị thi công, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, nguy cơ mất an toàn giao thông, ảnh hưởng đến việc thoát nước khu vực xung quanh,...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn, đất.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,72 m³/ngày, có hàm lượng các chất lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD, COD) và vi sinh cao...

- Nước thải xây dựng: phát sinh từ hoạt động rửa xe, rửa thiết bị với lưu lượng khoảng 1 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chính: Chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ,...

- Khí thải, bụi phát sinh từ quá trình thi công, vận chuyển nguyên vật liệu và quá trình đổ nhựa đường.

3.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Hoạt động bóc phong hóa phát sinh khoảng 1.893,41 m³.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng phát sinh khoảng 322,735 m³ xà bần. Thực bì do quá trình phát quang phát sinh với khối lượng phát sinh 17,7 m³.

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 16 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Hoạt động thi công xây dựng của dự án có phát sinh chất thải nguy hại: giẻ lau dính dầu thải, que hàn thải, bóng đèn huỳnh quang,... với khối lượng khoảng 30 kg trong thời gian thi công.

3.3. Tiếng ồn và độ rung: phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu.

3.4. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: tác động từ quá

trình chiếm dụng đất; hoạt động thi công gây nguy cơ ô nhiễm, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, nguy cơ ngập úng cục bộ, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Đối với thu gom, xử lý nước thải trong giai đoạn thi công

- Nước thải sinh hoạt: bố trí 02 nhà vệ sinh di động tại công trường để thu gom nước thải sinh hoạt; thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước thải từ trạm trộn: được thu gom về hố lắng tại mỗi công trường (kết cấu 2 ngăn, mỗi ngăn 4 m³). Nước sau khi lắng cặn được tái sử dụng vào mục đích làm ẩm nguyên vật liệu thi công, đất đá thải trước khi vận chuyển, tưới nước dập bụi. Cặn lắng sẽ được xử lý như đối với chất thải thi công.

- Nước mưa chảy tràn: bố trí các rãnh thu gom, nước mưa trong khu vực thi công; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước để đất, cát được lưu giữ lại, đảm bảo nước được lắng trong trước khi thải ra ngoài môi trường.

b) Đối với thu gom, xử lý nước thải trong giai đoạn vận hành

Thu gom vào hệ thống thoát nước dọc hai bên tuyến.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Phun nước làm ẩm trong hoạt động lưu giữ vật liệu.

- Phun nước giảm thiểu bụi tại các tuyến đường có hoạt động lưu thông của các phương tiện thi công, vận chuyển.

- Phương tiện vận chuyển có bạt che phủ không làm rơi vãi đất đá, nguyên vật liệu, chạy đúng tốc độ theo quy định.

- Sử dụng xe vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công còn niên hạn sử dụng, định kỳ được kiểm tra bảo dưỡng và kiểm định đảm bảo an toàn kỹ thuật và môi trường theo quy định.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Bố trí các thùng đựng rác tại công trường, khu vực lán trại để thu gom. Rác thải sẽ được thu gom và hợp đồng với các đơn vị thu gom rác thải trên địa bàn để vận chuyển đi xử lý.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Đất bóc phong hóa được tận dụng đất vào khu vực trồng cỏ và lấp các hố móng tại các điểm thi công công trong khu vực dự án.

+ Xà bần phát sinh từ giải phóng mặt bằng, bùn thải và lượng đất đào trong quá trình thi công được vận chuyển đến bãi thải tại khu vực phía Tây của Trạm Y tế phường Nhơn Hoà (toạ độ: 1533578; 591482; thuộc thửa đất số 1561, 1061, 1062, 1063, 1060 - Tờ bản đồ số 8).

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

- Thu gom, lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh tại mỗi công trường vào thùng chứa chuyên dụng, có nắp đậy kín, dán nhãn theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải; tập kết tại kho lưu chứa chất tạm thời tại công trường thi công; có gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hại, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường.

- Ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các phương tiện đạt đăng kiểm, thường xuyên bảo dưỡng các máy móc thi công.

- Yêu cầu đơn vị thi công lắp đặt các thiết bị giảm âm và chống rung đối với các thiết bị gây ồn và rung cao: máy đầm, xe lu, máy trộn bê tông, ...

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất

Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành đối với hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất (khoảng 20.850 m²).

Đối với khu vực chiếm dụng đất lúa tạm thời (khu vực bãi tập kết vật liệu, bãi chứa tạm thời, lán trại và khu vực trạm trộn bê tông): sau khi kết thúc Dự án, tiến hành dọn dẹp mặt bằng, san gạt lớp đất mặt tạo bề mặt bằng phẳng trước khi bàn giao lại cho người dân, địa phương.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân luồng giao thông đảm bảo trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, thoát nạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Giám sát môi trường không khí trong giai đoạn thi công, xây dựng

- Vị trí giám sát: 03 vị trí.

+ 01 điểm đầu dự án gần khu dân cư hiện trạng xã Nhơn Khánh (tọa độ X: 1535487; Y: 590405).

+ 01 điểm cuối dự án gần khu dân cư hiện trạng phường Nhơn Hoà (Tọa độ X: 1534301; Y: 590506).

+ 01 điểm tại khu vực trạm trộn (tọa độ X: 1534923; Y: 590355).

- Thông số giám sát: Bụi lơ lửng, CO, NO₂, SO₂, tiếng ồn.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

5.2. Giám sát chất lượng nước mặt trong giai đoạn thi công, xây dựng

- Vị trí giám sát: 01 vị trí.

+ Nước mặt tại nhánh sông Tân An, dưới cầu Long Quang 2 (Tọa độ X: 1535282; Y: 590399).

- Thông số giám sát: pH, TSS, COD, BOD₅, dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B1).

5.3. Giám sát việc thu gom chất thải rắn và chất thải nguy hại: Giám sát về khối lượng phát sinh, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ để quản lý theo quy định.